TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32/2020/QĐST-HNGĐ.	*Mỏ Cày Nam, ngày 21 tháng 02 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Chị **Nguyễn Thị T** - Sinh năm: 1988; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2/ Anh **Dương Văn P** - Sinh năm: 1980; địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Dương Văn P và chị Nguyễn Thị T thống nhất thuận tình ly hôn, không yêu cầu về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này của anh P, chị T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh Dương Văn P và chị Nguyễn Thị T có một người con chung là Dương Thị Thảo N - Sinh ngày 22/12/2009, hiện đang sống chung với anh P. Anh P và chị T thống nhất với nhau là anh P được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận này của anh P chị T là phù hợp với quy định tại các điều 55, 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung: Anh Dương Văn P, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh Dương Văn P, chị Nguyễn Thị T trình bày là không có nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Anh Dương Văn P, chị Nguyễn Thị T tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Dương Văn P và chị Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn. Anh P, chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung:

+ Anh Dương Văn P được quyền tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng người con chung giữa anh với chị Nguyễn Thị T là: Dương Thị Thảo N - Sinh ngày 22/12/2009 (hiện đang sống chung với anh P). Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Chị Nguyễn Thị T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở chị thực hiện quyền này. Trong trường hợp chị Nguyễn Thị T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì anh Dương Văn P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Nguyễn Thị T.

+ Vì lợi ích của con chung, anh Dương Văn P, chị Nguyễn Thị T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Dương Văn P, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Dương Văn P, chị Nguyễn Thị T trình bày là không có nên không xem xét.

2/ Về lệ phí Tòa án: Anh Dương Văn P, chị Nguyễn Thị T tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà anh P, chị T đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008219 ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; anh P, chị T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Anh Dương Văn P (01 bản);
- Chị Nguyễn Thị T (01 bản);
- UBND xã B (01 bản);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp (03 bản).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên